TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 6 – 2019.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nam**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Hồng Nguyên.**
2. Bà **Trương Thị Ngọc Giàu.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2019/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Trung H – sinh năm: 1988. (có mặt)
HKTT: Ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.
Chỗ ở: Tổ 2, Khu phố 6, thị trấn CC, huyện CC, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị Trần Thị Lưu L – sinh năm: 1994. (có mặt)
HKTT: Ấp BP, xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.
Chỗ ở: 26/8 Tổ 2, Ấp 4, xã PĐ, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Đặng Trung H trình bày:

Anh và chị Trần Thị Lưu L tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2012 và được UBND xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/7/2012. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, do công việc nên anh thường xuyên đi sớm về khuya, nhiều lúc phải đi tiếp khách nên chị L ghen tuông. Ngoài ra, chị L ít quan tâm chăm sóc gia đình. Do đó

trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Từ tháng 10/2018, anh và chị L sống ly thân nhau cho đến nay. Do tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Lưu L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là: Đặng Ngọc Gia H1 – sinh ngày: 11/8/2013.

Từ khi anh và chị L sống ly thân nhau đến nay, cháu H1 sống cùng bố mẹ đẻ chị L. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Trần Thị Lưu L trình bày:

Chị và anh Đặng Trung H tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2012 và được UBND xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/7/2012. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh H vẫn không thay đổi. Do đó cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên căng thẳng, cãi vã nhau. Từ tháng 12/2018 chị và anh H sống ly thân nhau cho đến nay. Nay anh H yêu cầu được ly hôn, nghĩ cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là: Đặng Ngọc Gia H1 – sinh ngày: 11/8/2013.

Từ khi chị và anh H sống ly thân nhau đến nay, cháu H1 sống cùng chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu H1 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã giao nộp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ sau: Anh H đã giao nộp: CMND của anh H (bản sao); CMND của chị L (photo); Sổ hộ khẩu của anh H và chị L (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Phụ lục hợp đồng lao động (bản chính); Giấy xác nhận thu nhập (bản chính). Chị L đã giao nộp: CMND (bản sao); Hợp đồng lao động (photo).

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản xác minh ngày 22/5/2019 đối với ông Nguyễn Ngọc S, bà Trần Thị Hữu N, ông Nguyễn Quốc C.

Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 81, 82, 83, 131 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng anh H và chị L đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh H, cho anh Đặng Trung H được ly hôn với chị Trần Thị Lưu L.

+ Về con chung: Đề nghị giao 01 con chung là Đặng Ngọc Gia H1 – sinh ngày: 11/8/2013 cho chị Trần Thị Lưu L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H do chị L không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị L kê khai không có, không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: Anh Đặng Trung H phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn anh Đặng Trung H khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn chị Trần Thị Lưu L. Chị L đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị L tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long ngày 11/7/2012. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, nay anh H yêu cầu ly hôn với chị L thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cả hai không cùng nhau quan tâm, chăm sóc cho gia đình. Do đó trong cuộc sống chung thường xuyên cãi vã và từ cuối năm 2018 đến nay anh chị sống ly thân nhau. Nay tình cảm không còn nên anh H yêu cầu ly hôn với chị L. Chị L cũng đồng ý ly hôn vì cuộc sống chung không còn hạnh phúc.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống của

mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh H là cho anh được ly hôn với chị L là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Anh H và chị L có 01 con chung là Đặng Ngọc Gia H1 – sinh ngày: 11/8/2013.

Anh H và chị L đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1. Xét nguyện vọng nuôi con của anh H và chị L là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi anh H và chị L sống ly thân nhau đến nay, cháu H1 do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do công việc nên anh H thường xuyên đi sớm về khuya, không có nhiều thời gian để chăm sóc con cái. Bản thân chị L đang làm việc tại địa phương, có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa cháu H1 là con gái nên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Vì vậy, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, căn cứ vào quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Ngọc Gia H1 của chị Trần Thị Lưu L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H do chị L không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị L kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì anh Đặng Trung H chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 131 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Trung H.

Cho anh Đặng Trung H được ly hôn chị Trần Thị Lưu L.

2. Về con chung: Anh H và chị L có 01 con chung là Đặng Ngọc Gia H1 – sinh ngày: 11/8/2013.

Giao cháu Đặng Ngọc Gia H1 cho chị Trần Thị Lưu L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Đặng Trung H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đặng Trung H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 006297 ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Anh H và chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã LM, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 91, cấp ngày 11/7/2012);
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nam